

VẬN DỤNG MÔ HÌNH KHÔNG GIAN ANH NGỮ TRONG SINH HOẠT CÂU LẠC BỘ TIẾNG ANH NHẪM NÂNG CAO NĂNG LỰC GIAO TIẾP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Trần Thanh Khoa
Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu, Đồng Tháp

Tóm tắt: Trong bối cảnh đổi mới giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, các hoạt động ngoại khóa như Câu lạc bộ (CLB) Tiếng Anh đóng vai trò quan trọng trong việc tạo môi trường thực hành ngôn ngữ. Tuy nhiên, mô hình sinh hoạt truyền thống thường mang tính "sân khấu hóa", khiến đa số học sinh chỉ đóng vai trò khán giả và ít có cơ hội tương tác thực tế. Bài viết này giới thiệu sáng kiến về mô hình "Không gian Anh ngữ" (English Space) – một phương thức tái cấu trúc hoạt động CLB từ "trình diễn tập trung" sang "thực hành phân tán có kiểm soát". Mô hình được vận hành dựa trên cơ chế luân phiên trạm (Station Rotation) qua bốn phân khu chức năng chuyên biệt: Không gian tin tức, không gian phim ảnh, không gian đàm đạo và không gian kết nối nhanh. Tại mỗi khu vực, học sinh được tiếp xúc với các học liệu thực (authentic materials) như báo chí, phim ảnh và thực hiện các nhiệm vụ giao tiếp ngắn, rõ mục tiêu, phù hợp với trình độ bậc 3 (theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam). Mô hình này không chỉ khắc phục tình trạng thụ động trong học tập mà còn kiến tạo một hệ sinh thái học tập hợp tác, có khả năng linh hoạt áp dụng và nhân rộng tại các trường trung học phổ thông (THPT).

Từ khóa: Không gian Anh ngữ, Câu lạc bộ Tiếng Anh, Năng lực giao tiếp, Học sinh Trung học phổ thông, Học tập trải nghiệm.

APPLYING THE ENGLISH SPACE MODEL IN ENGLISH CLUB ACTIVITIES TO ENHANCE THE COMMUNICATIVE COMPETENCE OF HIGH SCHOOL STUDENTS

Abstract: In the context of competency - based educational reform, English Clubs are expected to serve as natural language practice environments that bridge the communication gap found in formal classroom settings. However, traditional club models are often "performance-based" characterized by centralized activities where most students act as passive spectators with limited opportunities for actual interaction. This paper introduces the "English Space" initiative - a strategic restructuring of club activities from "centralized performance" to "controlled decentralized practice," ensuring every student actively listens, speaks, and interacts. The model operates on a Station Rotation mechanism across four specialized functional zones: News Space, Film Space, Discussion Space, and Connection Space. In each area, students engage with authentic materials, such as newspapers and videos, to complete short, goal-oriented communication tasks tailored to Level 3 of the Vietnamese Language Proficiency Framework. This model effectively addresses students passivity, fostering a collaborative learning ecosystem that is highly adaptable and replicable in various high school settings.

Keywords: English Space, English Club, Communicative competence, High school students, Experiential learning.

Nhận bài: 12/03/2026

Phản biện: 15/05/2026

Duyệt đăng: 21/05/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, việc chuyển dịch từ chú trọng truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực và phẩm chất người học trở thành yêu cầu cấp thiết. Đối với môn Tiếng Anh, mục tiêu cốt lõi là hình thành năng lực giao tiếp thực chất, giúp học sinh sử dụng ngôn ngữ như một công cụ để học tập và hội nhập. Tuy nhiên, một thực tế tồn tại là giờ học chính khóa thường bị giới hạn bởi thời lượng và áp lực kiểm tra, dẫn đến việc rèn luyện phản xạ ngôn ngữ chưa đạt hiệu quả tối ưu. Mặc dù các Câu lạc bộ Tiếng Anh được kỳ vọng là môi trường thực hành tự nhiên, nhưng đa số vẫn đang rơi vào tình trạng "sân khấu hóa" - nơi các hoạt động chỉ tập trung vào một nhóm nhỏ học sinh năng khiếu, trong khi đa số còn lại chỉ đóng vai trò khán giả thụ động. Nhằm khắc phục những "điểm nghẽn" này và kiến tạo một môi trường thực hành ngôn

ngữ đồng đều, sáng kiến "Vận dụng mô hình không gian Anh ngữ trong sinh hoạt câu lạc bộ Tiếng Anh" đã được nghiên cứu và thực hiện.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái quát về mô hình không gian Anh ngữ

Mô hình "Không gian Anh ngữ" được xây dựng nhằm thiết lập một môi trường thực hành ngôn ngữ có kiểm soát, định hướng rõ theo tiếp cận phát triển năng lực giao tiếp trong dạy học ngoại ngữ. Khác với hình thức sinh hoạt mang tính phong trào, mô hình hướng đến việc tổ chức các nhiệm vụ giao tiếp ngắn, lặp lại theo chu trình, cho phép học sinh luân phiên tham gia các phân khu trong cùng một buổi sinh hoạt. Cơ chế này làm tăng mật độ sử dụng tiếng Anh của từng cá nhân, bảo đảm sự tham gia đồng đều và tạo điều kiện để mọi học sinh đều được nói, nghe và phản hồi trong môi trường tương tác thực.

Mục tiêu cốt lõi của mô hình là hình thành phản xạ giao tiếp tự nhiên thông qua việc tiếp xúc thường xuyên với học liệu thực (authentic materials) và các tình huống ngôn ngữ có ngữ cảnh, từ đó phát triển đồng bộ kỹ năng nghe - nói, mở rộng vốn từ vựng và nâng cao khả năng diễn đạt ý kiến. Việc tổ chức hoạt động theo cặp, nhóm nhỏ, có nhiệm vụ rõ ràng và tiêu chí đánh giá cụ thể, giúp chuyển trọng tâm từ “người dạy làm trung tâm” sang “người học thực hành”, phù hợp với định hướng dạy học tích cực.

Về mặt lý thuyết, mô hình “Không gian Anh ngữ” được xây dựng dựa trên các trụ cột giáo dục hiện đại. Trước hết, nền tảng của mô hình là tiếp cận dạy học ngôn ngữ giao tiếp (Communicative Language Teaching - CLT) được khởi xướng bởi Dell Hymes (1972) và phát triển bởi Canale & Swain (1980). Theo đó, năng lực ngôn ngữ không chỉ là kiến thức ngữ pháp mà là khả năng vận dụng linh hoạt trong các ngữ cảnh xã hội thực tế.

Việc sử dụng học liệu thực (Authentic Materials) trong các phân khu như News Space hay Film Space bám sát quan điểm của Peacock (1997) và Gilmore (2007), những người khẳng định rằng tài liệu thực tế giúp tăng cường động lực và mang lại “hơi thở” của ngôn ngữ đời thực vào không gian học tập.

Đặc biệt, cơ chế Luân phiên trạm (Station Rotation) trong mô hình là một biến thể của Dạy học hỗn hợp (Blended Learning), được nghiên cứu kỹ bởi Horn & Staker (2011) từ Viện Clayton Christensen. Cách tiếp cận này cho phép tối ưu hóa không gian lớp học và cá nhân hóa lộ trình trải nghiệm của học sinh trong cùng một buổi sinh hoạt. Cuối cùng, tính chất tương tác nhóm nhỏ và hỗ trợ lẫn nhau giữa các học sinh ở các trình độ khác nhau phản ánh rõ nét Thuyết Vùng phát triển gần (Zone of Proximal Development) của Vygotsky (1978), nơi việc học tập mang tính xã hội và hợp tác là chìa khóa để kiến tạo tri thức.

Bên cạnh đó, mô hình còn nhằm xây dựng một cộng đồng học tập hợp tác, trong đó học sinh ở nhiều mức độ có thể hỗ trợ lẫn nhau thông qua cơ chế luân chuyển và tương tác liên tục, góp phần nâng cao sự tự tin, tính chủ động và kỹ năng làm việc nhóm. Nội dung sinh hoạt được thiết kế bám sát chủ đề chương trình và chuẩn đầu ra bậc 3, hướng tới việc học sinh có thể sử dụng Tiếng Anh như ngôn ngữ thứ 2 theo đề án 2040 của Bộ GD&ĐT, bảo đảm tính học thuật, tính liên thông

với hoạt động kiểm tra đánh giá và khả năng đo lường mức độ tiến bộ của người học.

Với cấu trúc tổ chức theo phân khu chức năng, quy trình hoạt động rõ ràng và cơ chế tham gia đồng đều, mô hình “Không gian Anh ngữ” hướng tới mục tiêu tạo lập một hệ sinh thái thực hành ngoại ngữ bền vững trong nhà trường, nâng cao chất lượng hoạt động Câu lạc bộ và góp phần phát triển năng lực giao tiếp tiếng Anh cho học sinh THPT một cách thực chất, có cơ sở khoa học và khả năng đánh giá được.

2.2. Cách thức thực hiện

2.2.1 Cơ chế vận hành “Dòng chảy hoạt động”

Thay vì hình thức “sân khấu hóa” tập trung, buổi sinh hoạt được tái cấu trúc thành một hành trình trải nghiệm. Học sinh sẽ đóng vai trò là chủ thể trung tâm, di chuyển vật lý giữa các trạm học tập. Việc luân phiên tham gia các không gian trong cùng một buổi giúp tăng mật độ sử dụng ngôn ngữ, đảm bảo mỗi cá nhân đều có cơ hội nói, nghe và phản hồi đồng đều, khắc phục tình trạng “một nhóm nói - số đông nghe”. Đồng thời, mô hình giúp duy trì sự hứng thú. Việc thay đổi bối cảnh và nhiệm vụ liên tục giúp bộ não tái thiết lập phản xạ ngôn ngữ và tránh cảm giác nhàm chán. Học sinh có thể hoàn thành các mục tiêu khác nhau thông qua một “Hộ chiếu ngôn ngữ” sau khi đi qua các trạm.

2.2.2. Chi tiết 4 trạm luân phiên

Trong một buổi sinh hoạt, học sinh sẽ lần lượt đi qua các khu vực sau:

Không gian Tin tức (News Space): học sinh luân phiên chọn các bài báo theo số thứ tự khay, thực hiện đọc hiểu theo nhóm 4 người và thảo luận dựa trên thẻ câu hỏi gợi ý.

Không gian Phim ảnh (Film Space): trạm này tập trung vào kỹ năng nghe. Học sinh tương tác qua việc giải thích từ vựng trên thẻ cho nhau, xem trích đoạn phim, thảo luận các thẻ câu hỏi về bộ phim và nêu cảm nhận.

Không gian Đàm đạo (Discussion Space): tổ chức theo các nhóm nhỏ (4-5 người). Học sinh luân phiên rút 2 lượt thẻ (thông tin cá nhân và chủ đề đời sống) để thực hiện các bài nói ngắn trong vòng 2 phút và phản hồi câu hỏi của bạn cùng nhóm.

Không gian Kết nối (Connection Space): vận hành theo mô hình “Speed Dating” với hai vòng tròn đồng tâm. Sau mỗi 5 phút tương tác, học sinh sẽ di chuyển để kết cặp với một đối tác mới, đảm bảo sự giao lưu tối đa.



Hình 1. Sơ đồ luân phiên các không gian trong cùng một buổi sinh hoạt.

III. KẾT LUẬN

Mô hình Không gian Anh ngữ chuyển trọng tâm từ “học về ngôn ngữ” sang “sống trong ngôn ngữ”. Người học được tham gia các hoạt động tương tác theo nhiệm vụ trong suốt thời gian sinh hoạt, qua đó hình thành phản xạ giao tiếp tự nhiên, tăng tần suất sử dụng tiếng Anh và nâng cao sự tự tin khi nói.

Việc khai thác báo chí, phim ảnh và các tình huống giao tiếp đời sống giúp học sinh tiếp xúc với ngôn ngữ thực (authentic language), đồng thời mở rộng hiểu biết văn hóa các quốc gia nói tiếng Anh. Đây là yếu tố quan trọng giúp phát triển đồng bộ kỹ năng nghe – nói – đọc – viết theo định hướng giao tiếp.

Không gian Kết nối với mô hình tương tác luân phiên tạo cơ hội để mọi học sinh đều được tham gia đối thoại. Sự tương tác giữa các đối tượng học sinh khác nhau góp phần xóa bỏ khoảng cách

trình độ, hình thành môi trường học tập hỗ trợ lẫn nhau và duy trì động lực học tập lâu dài.

Các chủ đề được thiết kế theo khung năng lực bậc 3 dành cho học sinh THPT, gắn với các lĩnh vực quen thuộc như môi trường, công nghệ, định hướng nghề nghiệp. Nhờ đó, học sinh vừa phát triển năng lực giao tiếp vừa củng cố kiến thức phục vụ kiểm tra, đánh giá.

Không gian được tổ chức theo các khu chức năng với thiết bị cơ bản, có thể linh hoạt bố trí trong phòng học hoặc khu sinh hoạt chung. Mô hình phù hợp với tâm lý lứa tuổi, tạo môi trường học tập năng động, dễ triển khai và có khả năng nhân rộng trong toàn trường. Đối với học sinh còn rụt rè, mô hình tổ chức theo cặp hoặc nhóm nhỏ và luân phiên tương tác giúp giảm áp lực, tạo cơ hội tham gia phù hợp với từng mức độ năng lực, từ đó đảm bảo không học sinh nào bị bỏ lại phía sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư ban hành chương trình giáo dục phổ thông*, Hà Nội.
- Canale, M., & Swain, M. (1980). Theoretical bases of communicative approaches to second language teaching and testing. *Applied Linguistics*, 1(1), 1-47.
- Gilmore, A. (2007). Authentic materials and authenticity in foreign language learning. *Language Teaching*, 40(2), 97-118.
- Horn, M. B., & Staker, H. (2011). The rise of K-12 blended learning. *Clayton Christensen Institute*.
- Hymes, D. (1972). On communicative competence. In J. B. Pride & J. Holmes (Eds.), *Sociolinguistics* (pp. 269-293). Penguin.
- Peacock, M. (1997). The effect of authentic materials on the motivation of EFL learners. *English Language Teaching Journal*, 51(2), 144-156.
- Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Harvard University Press.